

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hằng

Bà Đặng Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Sự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 13/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985. Vắng mặt

HKTT: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị V ngày 17/11/2004. Trước khi kết hôn anh và chị V được tự do tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Năm 2007 anh đi lao động tại Hàn Quốc, do khoảng cách địa lý nên giữa anh chị thường xảy ra cãi vã qua điện thoại. Năm 2013, chị V làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên đến năm 2016 thì chị V đi Đài Loan, chỉ thỉnh thoảng liên hệ qua điện thoại, chị V cũng không cho anh biết địa chỉ của chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần động viên nhưng anh thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với

chị V. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V để sớm ổn định cuộc sống và để hai bên có cơ hội đi tìm hạnh phúc mới.

Con chung: Anh và chị V có một con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 06/3/2006. Từ năm 2007 đến nay cháu vẫn sống cùng bà ngoại là Nguyễn Thị Cẩm tại thôn Nhiễm Dương, xã N, huyện T. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng muốn nuôi cháu Ngọc Anh thì anh cũng đồng ý. Cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện thi hành và không đề nghị tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị V mặc dù đã được Tòa án tiến hành giao các thông báo cho mẹ chị V là bà Nguyễn Thị Cẩm và bà Cẩm đã thông báo cho chị V về việc anh T có đơn xin ly hôn chị xong chị không có ý kiến cũng như văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án không lấy lời khai của chị được.

Bà Nguyễn Thị Cẩm là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị V trình bày: Anh Lê Thanh T kết hôn với chị Nguyễn Thị V năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi đăng ký kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Hiện chị V đang lao động tại Đài Loan, chị V thỉnh thoảng có liên lạc với bà và gia đình qua điện thoại. Bà cũng đã thông báo cho chị V biết nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị V nhưng chị V không về và cũng không nói rõ địa chỉ ở Đài Loan cho bà biết. Vì vậy, bà không cung cấp được địa chỉ của chị V cho Tòa án. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị V bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị V không có mặt, nên Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ cũng như hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị V cũng vắng mặt mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng trong vụ án là anh Lê Thanh T đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; còn chị Nguyễn Thị V không tuân thủ các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T, cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị V; Con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc Anh cho chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết; tài sản chung, công nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Do vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy giao các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ chị Nguyễn Thị V là bà Nguyễn Thị Cẩm. Bà Cẩm đã thông báo lại nội dung các văn bản này cho chị V nhưng chị V không có ý kiến gì về việc anh T xin ly hôn chị và Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi chị V đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cho đến nay Tòa án vẫn không nhận được ý kiến của chị V. Do vậy việc chị Nguyễn Thị V không cung cấp cho Tòa án địa chỉ cũng như không có ý kiến gì về việc anh Lê Thanh T xin ly hôn chị là trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. *Về nội dung*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị V kết hôn ngày 17/11/2004, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị V về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T đi lao động ở Hàn Quốc. Năm 2013 chị V có làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T nhưng sau đó lại rút đơn về với mục đích để vợ chồng đoàn tụ. Đến năm 2016, chị V lại đi lao động tại Đài Loan thì mâu thuẫn vợ chồng lại thêm trầm trọng. Anh T chỉ liên lạc được với chị V qua điện thoại chứ chị V không cho anh T biết địa chỉ của chị.

Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V, xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Do không lấy được lời khai của chị V, nhưng căn cứ vào lời khai của anh T thì từ năm 2007 đến nay vợ chồng anh thường xuyên mâu thuẫn và chị V đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó chị V lại đi xuất khẩu lao động, anh T từ đó đến nay chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại nên không ai quan tâm, chăm sóc ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T xin được ly hôn chị V là có căn cứ, phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng nên cần chấp nhận.

Con chung: Anh T và chị V có một con chung là Lê Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 06/3/2006. Từ năm 2007 đến nay cháu vẫn ở cùng bà ngoại là bà Nguyễn Thị Cẩm. Bà Cẩm là người đang trực tiếp nuôi cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu, anh T cũng đồng ý để chị V và bà Cẩm nuôi cháu. Do đó, cần giao cháu Lê Nguyễn Ngọc Anh cho chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không giải quyết.

[3]. Án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 147, 227, 228, 271, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh T, cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

2. Con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ngọc Anh cho chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

3. Tài sản chung, công nợ: Không có.

4. Án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Lê Thanh T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0004672 ngày 22/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai